

# Tín ngưỡng thờ Tứ bất tử trong văn hóa người Việt Nam

Dương Thị Thu Hà<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.  
Email: duongthuha2006@gmail.com

Nhận ngày 10 tháng 3 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 18 tháng 5 năm 2020.

**Tóm tắt:** Tín ngưỡng thờ “Tứ bất tử” là sự sáng tạo độc đáo, riêng biệt thuần túy của người Việt Nam được kết tinh từ những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, là một bộ phận không thể tách rời trong di sản văn hóa của dân tộc. Ngày nay, tín ngưỡng thờ “Tứ bất tử” tiếp tục làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, xây dựng và bồi tụ nhân cách người Việt Nam. Điều này được thể hiện cụ thể trên những bình diện: kiến giải các hiện tượng tự nhiên và tâm thức dân gian; giáo dục truyền thống và nhân cách; gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc; kết nối tâm linh và cố kết cộng đồng; là sức mạnh mềm, sức mạnh nội sinh trong quá trình hội nhập, toàn cầu hóa.

**Từ khóa:** Văn hóa, tín ngưỡng, tín ngưỡng dân gian, Tứ bất tử, tín ngưỡng Việt Nam.

**Phân loại ngành:** Văn hóa học

**Abstract:** The worship of the “Four immortals” is a unique creation, which was made purely by Vietnamese people, crystallised from the traditional fine values of the nation throughout the history of the struggle of national construction and defence. It is also an inseparable part of the nation's cultural heritage. Today, the belief continues to enrich the cultural and non-material life of the people, building and fostering the Vietnamese personality. This is shown specifically in the aspects: interpretation of natural phenomena and folk consciousness, education of the traditions and fine personality, preservation of the national cultural identity; the spiritual connection and community cohesion, being soft and endogenous power in the process of integration and globalisation.

**Keywords:** Culture, beliefs, folk beliefs, Four immortals, Vietnamese beliefs.

**Subject classification:** Cultural studies

## 1. Mở đầu

Tín ngưỡng thờ “Tứ bất tử” là một trong những di sản văn hóa tinh thần độc đáo của dân tộc Việt Nam. Bốn vị tứ bất tử trong tâm thức người Việt bao gồm: Đức Thánh Tản (Tản Viên Sơn Thánh), Đức Thánh Gióng (Phù Đổng Thiên Vương), Chử Đạo Tổ (Chử Đồng Tử), Đức Thánh Mẫu Liễu Hạnh. Tứ bất tử là hình tượng được người dân Việt lựa chọn để ký thác khát vọng và mong muốn từ ngàn đời của người Việt. Họ là biểu tượng cho sức mạnh đoàn kết cộng đồng trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, cho khát vọng xây dựng cuộc sống vật chất phồn vinh và tinh thần hạnh phúc. Vì vậy, tín ngưỡng này đã thu hút được sự quan tâm đặc biệt của giới nghiên cứu, từ việc tìm hiểu về nguồn gốc, ý nghĩa, hình tượng “Tứ bất tử”, các di tích và lễ hội gắn với “Tứ bất tử”... Trong đó, các công trình tiêu biểu phải kể đến như: Ngô Đức Thịnh (2001), *Tín ngưỡng và văn hoá tín ngưỡng ở Việt Nam*; Lê Như Hoa (chủ biên) (2001), *Tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam*; Nguyễn Minh San (1994), *Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam*; Phạm Kế (1996), *Tứ Bất Tử...* Điều này cho thấy vị trí đặc biệt quan trọng của tín ngưỡng thờ “Tứ bất tử” trong đời sống tinh thần người Việt. Với mong muốn tiếp cận và có cái nhìn toàn diện hơn về tín ngưỡng này, bài viết phân tích vai trò của “Tứ bất tử” trong đời sống tinh thần của người Việt Nam trên một số bình diện của đời sống xã hội hiện nay.

## 2. Giới thiệu khái quát về tín ngưỡng thờ Tứ bất tử

Trong tâm thức dân gian Việt Nam, Tứ bất tử là biểu tượng của sự trường tồn, bất diệt

của dân tộc, của đất nước từ xa xưa cho tới nay. Việc thờ phụng đã có từ lâu và phổ biến trong cả nước. “Tứ bất tử” là tên gọi chung của bốn vị thánh bất tử trong tín ngưỡng Việt Nam.

Đứng đầu trong Tứ bất tử là Thánh Tản Viên (Tản Viên Sơn Thánh, Sơn Tinh) tượng trưng cho ước vọng chinh phục tự nhiên, chiến thắng thiên tai. Theo truyền thuyết, Tản Viên (Sơn Tinh) thường dạy dân làm ruộng, săn bắn, kéo vó, luyện võ và mở hội. Sơn Tinh được Vua Hùng gả con gái là My Nương làm vợ mà không gả cho Thủy Tinh (vị thần cai quản thủy tộc, thường dâng nước phá hoại mùa màng), dẫn đến việc trả thù của Thủy Tinh. Thủy Tinh cho nước dâng cao, gây lũ lụt. Nước dâng đến đâu, Sơn Tinh cho người đắp đá cao tới đó. Cuộc chiến đấu giữa Thủy Tinh và Sơn Tinh phản ánh lịch sử tự nhiên của một đất nước lưng dựa vào núi, mặt hướng ra biển, quanh năm chống chọi với thiên tai. Nhân dân tin thờ Thánh Tản Viên như là tôn thờ và tin cậy vào sức mạnh thiêng liêng, vào nhân nghĩa, tin vào nỗ lực sinh tồn của người Việt Nam. Khoảng 250 năm trước Công nguyên, An Dương Vương đã cho lập đền thờ đức Thánh trên núi Tản Viên (nay gọi là Đền Thượng, thuộc Ba Vì, Sơn Tây, ngoại thành Hà Nội). Đến thời nhà Lý đã phong Tản Viên là "Thượng đẳng tối linh thần" và "Đệ nhất phúc thần" [1].

Vị “Tứ bất tử” thứ hai là Đức Thánh Gióng (Phù Đổng Thiên Vương) tượng trưng cho tinh thần đoàn kết, chống ngoại xâm. Theo truyền thuyết, Thánh Gióng sinh tại làng Gióng, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội thời Vua Hùng thứ 6, trong gia đình nông dân nghèo, lên 3 tuổi vẫn không biết nói, cười. Khi đất nước có giặc Ân kéo đến, vua sai sứ giả đi chiêu mộ

người tài cứu nước. Nghe tiếng sứ giả rao, Thánh Gióng cất tiếng nói: "Mẹ ra mời sứ giả vào đây". Khi gặp sứ giả, Thánh Gióng bảo: "Ông về tâu với vua, sắm cho ta một con ngựa sắt, một cây gậy sắt, một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này". Sứ giả vui mừng về tâu vua. Từ đây, dân làng góp gạo phụ mẹ Gióng nuôi Gióng. Khi vũ khí được mang đến, Gióng vươn vai thành một tráng sĩ to lớn khác thường, mặc giáp sắt, cầm gậy sắt, oai phong lẫm liệt. Ngựa Gióng đi đến đâu giặc chết đến đó. Giặc đã dẹp yên, quê hương thái bình, vị anh hùng cởi bỏ áo giáp, không màng vinh hoa phú quý, lên đỉnh núi Vệ Linh (Sóc Sơn, Hà Nội) bay về trời. Vua Hùng ghi nhận công lao Thánh Gióng, phong danh hiệu Phù Đổng Thiên Vương và cho lập đền thờ tại núi Vệ Linh. Những nơi mang dấu tích chiến công của Thánh Gióng đều được nhân dân lập đền thờ, gìn giữ [8]. Trong tâm thức người Việt Nam, Thánh Gióng là niềm tự hào của dân tộc, là hiện thân của tinh thần đại đoàn kết toàn dân. Khi có giặc đến nhà, kể cả người già, người trẻ, đàn ông, đàn bà đều tham gia đánh giặc, ai có sức góp sức, ai có của góp của, cùng chung tay bảo vệ nền độc lập dân tộc. Bên cạnh đó, truyền thuyết Thánh Gióng còn ẩn chứa triết lý sinh tồn của dân tộc "Đoàn kết thì sống", giáo dục truyền thống đoàn kết, yêu nước, thương dân cho các thế hệ sau. Với ý nghĩa giá trị nhân văn sâu sắc, năm 2010 lễ hội Thánh Gióng được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại.

Vị "Tứ bất tử" thứ ba là Thánh Chử Đạo Tổ (Chử Đồng Tử) tượng trưng cho tình yêu, hôn nhân và sự sung túc, giàu sang. Chử Đồng Tử sinh tại xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Chử Đồng Tử mồ côi mẹ từ nhỏ, sống cùng cha là Chử Cù

Vân. Chẳng may nhà cháy, mất hết của cải, hai cha con chỉ còn một chiếc khố, phải thay nhau mặc. Lúc người cha lâm chung, ông có ý nhường lại chiếc khố cho con nhưng Chử Đồng Tử đã lấy chiếc khố duy nhất mai táng cho cha. Chử Đồng Tử phải ở truông, kiếm sống bằng cách ban đêm câu cá, ban ngày dầm nửa người dưới nước. Một hôm, tình cờ thuyền của công chúa Tiên Dung ghé qua vùng này, Tiên Dung cho vẫy màn xung quanh để tắm. Không ngờ chỗ Tiên Dung tắm lại đúng vào chỗ Đồng Tử vùi mình. Cho đây là duyên trời sắp đặt, Tiên Dung kết duyên cùng Chử Đồng Tử. Chử Đồng Tử và Tiên Dung theo khách buôn đi khắp ngược xuôi. Một lần, Chử Đồng Tử tình cờ gặp đạo sĩ Phật Quang. Chử Đồng Tử được Phật Quang tặng cho hai vật thần thông là cây gậy và chiếc nón lá. Từ đó, Chử Đồng Tử và Tiên Dung đi khắp nơi tìm thầy học đạo, giúp đỡ nhân dân. Ngày nay, Chử Đồng Tử và nhị vị phu nhân được thờ ở nhiều nơi, theo thống kê của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch có tới 72 làng lập điện thờ Chử Đồng Tử, ở hai bờ tả ngạn sông Hồng. Đền thờ chính lập tại xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên [3, tr.273].

Vị "Tứ bất tử" thứ tư là Thánh Mẫu Liễu Hạnh (Mẫu Thượng Thiên), tượng trưng cho cuộc sống tinh thần, phúc đức, văn thơ. Theo truyền thuyết, đầu thời Lê, tại phủ Nghĩa Hưng, trấn Sơn Nam (nay là thôn Vi Nhuế, xã Yên Đòng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định) có ông Phạm Huyền Viên, kết duyên cùng bà Đoàn Thị Hằng. Ông bà ngoài 40 tuổi mà chưa có con. Một đêm rằm tháng Hai, ông bà được thần báo mộng, Ngọc Hoàng sẽ cho công chúa Hồng Liên đầu thai làm con. Từ đó, bà có thai và sinh được một cô con gái,

đặt tên con là Phạm Tiên Nga. Phạm Tiên Nga càng lớn càng xinh đẹp, thạo nữ công gia chánh, đảm đang. Năm 15 tuổi, Tiên Nga đã có nhiều người đến dạm hỏi nhưng đều từ chối vì muốn ở nhà báo hiếu cha mẹ. Sau khi cha mẹ mất, Phạm Tiên Nga bắt đầu chu du khắp nơi làm việc thiện. Bà đã ủng hộ tiền của và công sức giúp dân đắp đê, làm cầu, dẫn nước tưới tiêu, khai khẩn đất ven sông. Bà còn cho người nghèo tiền, chữa bệnh cho người ốm, sửa đền chùa, cấp lương bổng cho sư tăng... Đêm ngày 2 tháng 3 năm Quý Tỵ (1473) khi 40 tuổi, bà hóa thân về trời. Ngay sau khi bà mất, nhân dân xã Vi Nhuế đã lập đền thờ trên nền nhà cũ, gọi là Phủ Quảng Cung, tôn bà làm Phúc thần, hiệu là “Lê Triều Hiển Thánh, Tầm Thanh Cứu khổ, Tiên Nga tôn thần”. Vì nhớ cha mẹ và quê hương ở cõi trần mà đến năm Đinh Tỵ (1557), Phạm Tiên Nga lại giáng sinh lần thứ 2 tại thôn Vân Cát, xã An Thái, huyện Thiên Bản (nay là Kim Thái, Vụ Bản, Nam Định). Lần này, bà kết duyên với ông Trần Đào, sinh được một trai, một gái. Bà mất ngày 3 tháng 3 năm Đinh Sửu (1577). Lãng mộ và đền thờ ở Phủ Dày, thôn Thiên Hương - Vân Cát, xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, Nam Định. Vì tình nghĩa thủy chung với chồng con ở trần thế nên đến thời Lê Khánh Đức (1650), Phạm Tiên Nga giáng sinh tại đất Tây Mỗ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, bà tái hợp với ông Trần Đào lúc này đã tái sinh là Mai Thanh Lâm, sinh được một con trai. Bà mất ngày 23 tháng Chạp năm Mậu Thân (1668). Đền thờ Bà là Phủ Sòng Sơn, Thanh Hóa [4].

Tín ngưỡng thờ “Tứ bất tử” là sự sáng tạo độc đáo, riêng biệt, thuần Việt Nam, được kết tinh từ những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử đấu

tranh dựng nước và giữ nước, là một bộ phận không thể tách rời trong di sản văn hóa của dân tộc. Ngày nay, tín ngưỡng thờ “Tứ bất tử” tiếp tục làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, xây dựng và bồi tụ nhân cách người Việt Nam.

### 3. Vai trò của tín ngưỡng thờ Tứ bất tử trong đời sống tinh thần người Việt Nam

*Thứ nhất, kiến giải các hiện tượng tự nhiên và tâm thức dân gian*

Tứ bất tử là di sản văn hóa tinh thần độc đáo của người Việt. Hình tượng Tứ bất tử giúp kiến giải cảm thức về các hiện tượng tự nhiên và tâm thức dân gian của người Việt.

Trong tâm thức dân gian thì Tản Viên Sơn Thánh là biểu tượng của sức mạnh liên kết giữa đất và núi, liên kết giữa các bộ lạc, liên kết giữa con người và thánh thần... Sự liên kết ấy tạo nên sức mạnh vĩ đại, chiến thắng mọi trở lực hung bạo để bảo vệ đất đai, ruộng đồng, làng mạc, khẳng định sức mạnh của con người trước thiên nhiên hùng vĩ, khả năng sáng tạo giá trị văn hóa của lòng nhân ái. Thấm sâu trong câu chuyện về cuộc đối đầu giữa Sơn Tinh, Thủy Tinh trong cuộc chiến giành Mỵ Nương chính là quá trình đắp đê, lấn biển (nước dâng đến đâu, núi cao đến đó) trong quá trình sản xuất, sinh tồn của cư dân nông nghiệp lúa nước. Thánh Tản Viên là vị thánh tượng trưng cho khả năng sáng tạo to lớn của dân tộc Việt Nam trong chiến đấu với thiên tai, lũ lụt để bảo vệ mùa màng và cuộc sống cho nhân dân.

Thánh Gióng là biểu tượng cho sức mạnh đoàn kết của cộng đồng trong cuộc chiến đấu bảo vệ lãnh thổ và quyền làm chủ

bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam. Biểu tượng Thánh Gióng được người dân tôn thờ là lẽ sống, đạo lý của con người. Thánh Gióng trong tâm thức người dân Việt là niềm tự hào về sức mạnh đoàn kết của dân tộc trong việc chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước. Thánh Gióng còn là hiện thân cho giá trị cao đẹp của người Việt Nam “công thành thánh thoái”: Đặt tình yêu đất nước lên trên hết, là giá trị thiêng liêng nhất mà mỗi người hướng tới và sau khi hoàn thành sứ mệnh với quốc gia, dân tộc, họ không màng tới vinh hoa, phú quý. Đó cũng là triết lý sống giữa cho và nhận, giữa cống hiến với hưởng thụ và sự cống hiến cho quốc gia, dân tộc luôn được đặt lên hàng đầu, là bản trường ca tuyệt đẹp về tình mẫu tử, về trách nhiệm của con người với Tổ quốc.

Chữ Đổng Tử là biểu tượng của ước muốn xây dựng xã hội ổn định, cân bằng trong mối quan hệ xã hội, là sự đối nhân xử thế giữa cha - con, vợ - chồng, giữa mọi người trong xã hội. Chuyện tình của Chữ Đổng Tử và Tiên Dung đã tạo nên thiên tình sử đặc sắc trong lịch sử dân tộc. Điều thú vị, độc đáo ở đây là có một tình yêu vượt qua tất cả mọi ranh giới của địa vị, phẩm hàm. Tiên Dung dám yêu, dám lấy chàng Chữ Đổng Tử nghèo hèn, bất chấp mọi lễ giáo phong kiến và ngôi vị thứ bậc trong xã hội. Người Việt cũng tôn thờ Chữ Đổng Tử như ông tổ của đạo thờ tiên (Chữ Đạo Tổ). Chữ Đổng Tử còn là biểu tượng của sự trường tồn của cộng đồng trong quá trình chinh phục đồng bằng lầy trũng, phát triển ngành nghề, mang lại sự phồn vinh cho cộng đồng. Chữ Đổng Tử đi vào tâm thức dân gian không chỉ là người con hiếu thảo, mà con là biểu tượng của một chí

hướng phát triển cộng đồng: mở mang khai phá đồng bằng trũng lầy thành cánh đồng tốt tươi, trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải và phát triển các ngành nghề khác, đặc biệt một nghề mới mẻ là buôn bán. Ông được coi là ông tổ của ngành ngoại thương Việt Nam. Chữ Đổng Tử và Tiên Dung đã mở ra một hướng mới cho sự phát triển của dân tộc, tạo nên sự giao lưu giữa dân tộc với cộng đồng bên ngoài.

Mẫu Liễu Hạnh là biểu tượng khẳng định quyền sống của con người, khát vọng tự giải phóng nhất là của người phụ nữ thoát khỏi những ràng buộc của lễ giáo phong kiến, khát vọng vươn tới hạnh phúc gia đình. Truyền thuyết Thánh Mẫu Liễu Hạnh xuất hiện vào cuối thời Lê. Đây là thời kỳ Nho giáo ở Việt Nam đi vào con đường suy thoái, người phụ nữ bị xâm phạm nghiêm trọng, khao khát cháy bỏng về một cõi tâm linh an lạc, siêu thoát. Liễu Hạnh là một điển hình về sự khẳng định vai trò của người phụ nữ, dám nói lên tiếng nói phản kháng với triều đình phong kiến mang nặng tư tưởng Nho giáo. Liễu Hạnh được dân gian tôn sùng là Thánh Mẫu.

Tứ bát tử là hệ ý thức nhân sinh Việt Nam được ký thác vào các biểu tượng thần Việt Nam, vào các vị thần linh Việt Nam mà bao thế hệ từ xa xưa tới nay suy tôn, thờ phụng. Tuy rằng những biểu tượng này tiếp thu những yếu tố của đạo Phật, đạo Lão... nhưng hệ ý thức nhân sinh mà nó biểu hiện vẫn mang đậm tính bản địa, rất Việt Nam.

*Thứ hai, giáo dục truyền thống và nhân cách*

Người dân Việt Nam thờ Tứ bát tử để thể hiện sự tri ân đối với những bậc tiền bối, đồng thời để cầu mong Tứ bát tử phù trợ giúp con cháu trong đời sống thường nhật.

Những nghi thức, diễn xướng dân gian... được diễn ra tại các di tích thờ Tứ bất tử không chỉ là “bảo tàng” lưu giữ di sản văn hóa dân tộc mà còn là trường học giúp giáo dục truyền thống dân tộc một cách cụ thể, sống động, giúp con người trở về cội nguồn một cách ý nghĩa nhất. Tín ngưỡng thờ Tứ bất tử là một chất keo gắn kết con người với nhau một cách bền chặt. Lễ hội là hình thức sinh hoạt văn hóa, là dịp biểu dương tốt nhất sức mạnh đoàn kết gắn bó mọi thành viên với cộng đồng, tín ngưỡng thờ Tứ bất tử với các lễ hội của mình đã làm được điều đó. Các lễ hội thờ Tứ bất tử nhắc nhở mọi người nhớ về cội nguồn, đoàn tụ và gần gũi nhau hơn. Thông qua nghi lễ trong tín ngưỡng thờ Tứ bất tử, người dân muốn bày tỏ lòng biết ơn, thái độ thành kính đối với các Thánh. Niềm tin vào đấng thiêng vô hình có thể giúp cho con người sống lương thiện, nhân ái và độ lượng hơn. Sức mạnh của các vị Thánh sẽ giúp họ làm điều thiện, giới răn họ tránh xa điều ác. Niềm tin về các vị Thánh trong Tứ bất tử hay tâm lý sợ hãi giúp họ phải tự chế ngự hành vi của mình sao cho đúng đắn, phù hợp... Những lời hứa hẹn trước Thánh (không làm điều gian dối, nếu không sẽ bị “Trời đánh, Thánh phạt”, bị “quả báo”, “phải tội”...) cũng có tác dụng phòng ngừa, ngăn chặn những hành vi xấu. Sự tồn tại yếu tố thiêng giúp điều chỉnh nhận thức và hành vi của con người, hướng con người đến hoàn thiện nhân cách theo chuẩn mực chung của xã hội. Cứ thế, với một sức mạnh kì diệu, việc thờ Tứ bất tử giúp con người tự hoàn thiện đạo đức của mình cho phù hợp hơn với các

giá trị chuẩn mực và quy ước chung của cộng đồng.

*Thứ ba, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc*

Tín ngưỡng thờ Tứ bất tử là di sản văn hóa độc đáo của Việt Nam, trở thành tài sản quý báu của dân tộc, làm phong phú và tạo ra sự đặc sắc riêng có của văn hóa Việt Nam. Bàn về bản sắc văn hóa dân tộc, Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương (khóa VIII) của Đảng cộng sản Việt Nam khẳng định: “Bản sắc văn hóa Việt Nam gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng dân tộc Việt Nam... thể hiện trong 5 giá trị cơ bản: lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc; tinh thần đoàn kết; lòng nhân ái khoan dung trọng nghĩa tính đạo lý...” [9]. Tín ngưỡng thờ Tứ bất tử đã hòa quyện vào mạch nguồn tâm tính dân tộc, mang trong mình những giá trị thiêng liêng đó của cốt cách Việt Nam, góp phần tạo ra bản sắc văn hóa của người Việt Nam. Với những giá trị bản nguyên của mình, tín ngưỡng thờ Tứ bất tử đã mang trong mình giá trị thuần Việt, kết tinh giá trị văn hóa riêng có của dân tộc, góp phần gìn giữ yếu tố thuần Việt nổi trội.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, tín ngưỡng thờ Tứ bất tử của Việt Nam trở thành yếu tố cần thiết trong việc gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc. Chúng ta đều biết, toàn cầu hóa là quá trình mở rộng các mối liên hệ của sản xuất, giao tiếp và công nghệ ra khắp thế giới. Quá trình mở rộng đã làm các hoạt động kinh tế và văn hóa đan bện vào nhau. Các nền văn hóa ngày càng có sự giao lưu, giao thoa, tiếp biến mạnh mẽ. Điều này làm nảy sinh nguy cơ đồng hóa, đánh mất bản sắc văn hóa. Trong quá trình

toàn cầu hóa ấy, các đặc trưng văn hóa như tín ngưỡng thờ Tứ bất tử ngày càng giữ vai trò quan trọng, tác động mạnh mẽ đến tiến trình và định hướng phát triển của từng dân tộc, trong đó có Việt Nam. Đó cũng là những giá trị bền vững, tinh hoa của dân tộc, tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam. Đây chính là “thẻ căn cước” trong quá trình hội nhập, toàn cầu hóa, tránh nguy cơ đồng hóa văn hóa, đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.

*Thứ tư, kết nối tâm linh và cố kết cộng đồng*

Văn hóa tâm linh có những mặt tích cực không thể phủ nhận trong đời sống cộng đồng. Đó là sợi dây cố kết cộng đồng, lưu giữ truyền thống, giáo dục lòng nhân ái, vị tha, ý thức hướng thượng, hướng thiện. Văn hóa tâm linh là chỗ dựa về tinh thần, đem lại niềm tin vào những điều tốt đẹp, cao cả, thiêng liêng, giúp con người chiến thắng nỗi sợ hãi, đem lại sự thanh thản, cân bằng cho tâm hồn.

Đặc biệt là trong xã hội hiện đại, khi mà con người phải đối mặt với nhiều áp lực và bất trắc, thì một điểm tựa tinh thần, một cảm thức tâm linh để tâm hồn lắng đọng, hướng tới niềm tin thành kính là cần thiết hơn bao giờ hết. Và tín ngưỡng thờ Tứ bất tử đã và đang phát huy vai trò kết nối tâm linh, cố kết cộng đồng. Những giá trị về mặt tinh thần trên dù trong xã hội phong kiến hay trong xã hội hiện đại đều rất cần thiết. Nó càng cần thiết hơn khi đất nước đang chuyển mình, nhiều yếu tố đạo đức truyền thống đang bị phá vỡ do tác động mặt trái của kinh tế thị trường. Trong khi những yếu tố đạo đức mới phù hợp, chuẩn mực chưa được xác lập vững chắc như hiện

nay. Đối tượng và tâm thế của người chiêm bái tại các di tích gắn với tín ngưỡng thờ Tứ bất tử không phải “đến xem” mà là nhập thân với niềm tin thành kính thiêng liêng. Dù đó là những giây phút của cảm thức tâm linh, là sự thăng hoa của nội tâm không thể nắm bắt hay đo đếm được. Khoảnh khắc đó là động lực nuôi dưỡng, chuyển hóa nội tâm hướng thiện, điều chỉnh hành vi đạo đức, nối quá khứ với hiện tại, đáp ứng nhu cầu sâu thẳm của nội tâm, tạo niềm tin cho con người. Đó là những ảnh hưởng mang tính tích cực cố kết cộng đồng, lưu giữ truyền thống, giáo dục lòng nhân ái, đem lại niềm tin vào những điều tốt đẹp, cao cả, tạo ra sự thanh thản, cân bằng cho tâm hồn.

*Thứ năm, là sức mạnh mềm, sức mạnh nội sinh trong quá trình hội nhập, toàn cầu hóa*

Bản chất của sức mạnh mềm là thuyết phục, cảm hóa, hấp dẫn, lôi cuốn thay vì ép buộc, cưỡng bức. Do vậy, sự thuyết phục, cảm hóa, hấp dẫn, lôi cuốn bằng văn hóa là sự thuyết phục, cảm hóa, hấp dẫn, lôi cuốn bền chặt nhất. Trong điều kiện công nghiệp hóa, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế có sự gia tăng giao lưu, hợp tác giữa các quốc gia, dân tộc thì việc khẳng định sức mạnh, vị thế của một quốc gia, dân tộc bằng và thông qua sức mạnh mềm càng trở nên quan trọng. Văn hóa, trên thực tế đã trở thành nhân tố then chốt trong số những nhân tố tạo nên sức mạnh mềm của một quốc gia.

Tín ngưỡng thờ Tứ bất tử gắn với truyền thống yêu nước, yêu chuộng hòa bình ý chí kiên cường trong dựng nước và giữ nước, tinh thần đoàn kết, khoan dung, vị tha, kết tinh giá trị cao đẹp nhất của người

Việt Nam đã, đang và sẽ còn là sức hấp dẫn đối với các dân tộc khác. Tín ngưỡng thờ Tứ bất tử là di sản văn hóa mà cha ông đã sáng tạo, để lại, lưu giữ, trao truyền qua nhiều thế hệ. Tín ngưỡng thờ Tứ bất tử là sức mạnh nội sinh tiềm tàng của dân tộc. Tín ngưỡng thờ Tứ bất tử trở thành sức đề kháng nội sinh chống lại sự đồng hóa, hình thành sức mạnh dân tộc và lan tỏa sức mạnh dân tộc ra thế giới. Trong điều kiện công nghiệp hóa, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế thì những giá trị văn hóa kết tinh trong tín ngưỡng thờ Tứ bất tử tạo ra sức trường lực để cố kết cộng đồng, nuôi dưỡng và bồi tụ tinh thần yêu nước, ý thức đề cao truyền thống và cốt cách dân tộc. Vì lẽ đó, tín ngưỡng thờ Tứ bất tử là sức mạnh mềm của Việt Nam. Và, sức mạnh mềm ấy được tạo dựng cơ bản từ các giá trị văn hóa Việt Nam, trong đó có giá trị của tín ngưỡng thờ Tứ bất tử.

#### 4. Kết luận

Tín ngưỡng thờ Tứ bất tử phản ánh đậm nét truyền thuyết lịch sử, giá trị văn hóa, triết lý sống của người Việt. Đây chính là nền tảng tư tưởng làm nên cốt cách của con người Việt Nam: kiên trung, bất khuất, thông minh, sáng tạo, tình nhà nghĩa nước hài hòa, mở ra sự phát triển của dân tộc, tạo nên sự giao lưu giữa dân tộc với cộng đồng bên ngoài, thái độ trân trọng phụ nữ... Tín ngưỡng thờ Tứ bất tử được ví như cội nguồn của đời

sống tinh thần, là kết tinh “hồn cốt” dân tộc, làm nên sức mạnh của dân tộc Việt Nam trong mọi hoàn cảnh từ xưa tới nay.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Như Hoa (Chủ biên) (2001), *Tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [2] Phạm Ké (1996), *Tứ Bất Tử*, Nxb Lao động, Hà Nội.
- [3] Ngô Đức Thịnh, Frank Proschan (Chủ biên) (2005), *Folklore - một số thuật ngữ đương đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Ngô Đức Thịnh (Chủ biên) (2012), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- [5] Nguyễn Minh San (1994), *Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [6] Đặng Nghiêm Vạn (2005), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] [http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/255/0/4798/Tin\\_nguong\\_tho\\_Tu\\_bat\\_tu\\_gia\\_tri\\_truyen\\_thong\\_van\\_hoa\\_tinh\\_than\\_cua\\_da\\_n\\_toc\\_Viet\\_Nam](http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/255/0/4798/Tin_nguong_tho_Tu_bat_tu_gia_tri_truyen_thong_van_hoa_tinh_than_cua_da_n_toc_Viet_Nam).
- [8] <http://tuyengiao.vn/van-hoa-xa-hoi/van-hoa/phan-huy-suc-manh-mem-quoc-gia-tu-gia-tri-van-hoa-dan-toc-126715>.
- [9] <http://tuyengiao.vn/nghien-cuu/ly-luan/nghi-quyet-trung-uong-5-khoa-viii-chien-luoc-van-hoa-cua-dang-trong-thoi-ky-doi-moi-115273>